**Tiếng Việt**

**Bài 21: R, r, S, s**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và đọc đúng các âm r, s; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có các âm r, s; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các chữ r, s; viết đúng các tiếng từ ngữ có chữ r,s.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các âm r,s có trong bài học.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học, lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong sách giáo khoa.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát triển kĩ năng nói lời cảm ơn, nhận biếtđược các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước, nhân ái: Cảm nhận được tình cảm bố mẹ dành cho con cái thông qua sự quan tâm về vật chất và tinh thần

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự lớp học nghiêm túc.Có ý thức tự thực hành, biết giúp bạn thực hiện các nhiệm vụ học tập.

**\*HTQC: HĐ nói**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-Máy tính, giáo án điện tử

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động: ( 5’)**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Nhận biết** : **(5’)**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại nhận biết một số lần: Bầy sẻ non ríu ra ríu rít bên mẹ  - GV giúp HS nhận biết tiếng có r, s và giới thiệu chữ ghi âm r, s  **3. Đọc HS luyện đọc âm: (15’)**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ r lên bảng để giúp HS nhận biết chữ r trong bài học này.  - GV đọc mẫu âm r.  - GV yêu cầu một số HS đọc âm r, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Âm s hướng dẫn tương tự  **b. Đọc tiếng**  - GV đọc tiếng mẫu  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu ra, sẻ. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng ra, sẻ.  - GV yêu cầu một số HS đánh vần tiếng mẫu ra, sẻ. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  -GV yêu cầu một số HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đọc tiếng chứa âm r  •GV đưa các tiếng chứa âm r yêu cầu HS tìm điểm chung (cùng chứa âm r).  • Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng có cùng âm đang học.  • Một số HS đọc trơn các tiếng có cùng âm r đang học.  -GV yêu cầu đọc trơn các tiếng chứa âm r đang học: Một số HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn một dòng.  - GV yêu cầu HS đọc tất cả các tiếng.  \*Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa r.  + GV yêu cầu HS phân tích tiếng, HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  Tương tự với âm s  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: rổ rá, cá rô, su su, chữ số. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn rổ rá.  - GV nêu yêu cầu nói sự vật trong tranh. GV cho từ rổ rá xuất hiện dưới tranh.  - HS phân tích và đánh vần rổ rá, đọc trơn từ rổ rá.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với cá rô, su su, chữ số  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 -4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng: (10’)**  - GV hướng dẫn HS chữ r,s.  - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường ghi âm r, âm s và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết âm r, âm s  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - HS chơi  - HS trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -HS lắng nghe    -HS quan sát  -HS lắng nghe  -Một số HS đọc âm r, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.  - HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tìm  -HS đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS tự tạo  -HS trả lời  -HS đọc  -HS lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS phân tích đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe, quan sát  - HS viết vào bảng con, chữ cỡ vừa (chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng).  -HS nhận xét  -HS quan sát |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở: (10’)**  - GV hướng dẫn HS tô chữ r, s HS tô chữ r, s (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc: ( 15’)**  - HS đọc thầm cả câu; tìm các tiếng có âm r, âm s.  - GV đọc mẫu cả câu.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ  - HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh:(7’)**  **\*HTQC**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ gì?  Họ đang làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV giới thiệu nội dung tranh  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Vận dụng (3’)**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm r, s.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. | - HS tô chữ r, s (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS lắng nghe  -HS đóng vai, nhận xét  -Hs lắng nghe |